

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NGÀY 02 THÁNG 4 NĂM 2015**

I. PHẦN NGHI THỨC

1. Tuyên bố lý do chào cờ và giới thiệu đại biểu.
2. Thống nhất nhân sự Chủ tịch đoàn, Thư ký đoàn, Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội.
3. Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội.
4. Thông qua Quy chế tổ chức đại hội.

II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. Thông qua chương trình đại hội.
2. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2014 và kế hoạch SXKD năm 2015.
3. Thông qua báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán.
4. Báo cáo của Ban kiểm soát kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty năm 2014.
5. Thông qua; tờ trình về chia cổ tức, lập các quỹ năm 2014; tờ trình về dự kiến chia cổ tức, lập các quỹ năm 2015; tờ trình về chế độ thù lao HĐQT – BKS năm 2015, tờ trình về kế hoạch đầu tư năm 2015 và tờ trình v/v giao quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán.
6. Thông qua tờ trình về kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT, thay thế thành viên HĐQT xin thôi nhiệm, của Hội đồng quản trị.
7. Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát, thay thế thành viên xin từ nhiệm.
8. Cổ đông thảo luận và giải đáp của Hội đồng quản trị, lãnh đạo Công ty.
9. Phát biểu của đại diện Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP.
10. Phát biểu của Tổng giám đốc Công ty.
11. Biểu quyết thông qua các báo cáo và các tờ trình.
12. Thông qua nghị quyết đại hội.
13. Thông qua biên bản đại hội.
14. Tuyên bố bế mạc đại hội.



Tp. HCM, ngày 02 tháng 4 năm 2015

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2015**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức;

Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức báo cáo dự thảo “Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015” như sau:

**CHƯƠNG I
QUI ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục tiêu

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội cổ đông

Điều 2. Phạm vi áp dụng

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.
- Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

Điều 3. Yêu cầu chung

- Các cổ đông đến tham dự họp Đại hội phải đủ 18 tuổi trở lên và phải ăn mặc chỉnh tề.
- Không hút thuốc lá trong phòng họp Đại hội.
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội cổ đông từ khi bắt đầu Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban tổ chức thì cổ đông đó coi như mất quyền biểu quyết tại Đại hội.

Điều 4. Điều kiện để tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông/đại diện cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết.

CHƯƠNG II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội

5.1. Quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông đều được dự Đại hội đồng cổ đông hoặc có thể ủy quyền cho người đại diện tham gia Đại hội. Cổ đông hoặc người đại diện tham gia Đại hội đều được nhận các phiếu biểu quyết có ghi số cổ phần của mình đối với các vấn đề thảo luận tại cuộc họp.

Mỗi cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải mang theo giấy mời họp, Giấy tờ tùy thân (CMND, Hộ chiếu còn hạn sử dụng...) và Giấy ủy quyền (nếu có) trình Ban tổ chức Đại hội;

Cổ đông dự Đại hội đến muộn phải đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia biểu quyết Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dùng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

5.2. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội

- Tuân thủ các quy định, điều kiện tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.
- Hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với ban tổ chức Đại hội
- Nghiêm chỉnh chấp hành quy chế tại Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc tại đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng Quản trị đề cử.
- Ban kiểm tra tư cách cổ đông kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông tham dự đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch đoàn và Ban thư ký Đại hội.

Chủ tịch đoàn:

- Chủ tịch đoàn do Đại hội bầu ra, trong đó có Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tịch đoàn, chủ tọa đại hội, Chủ tịch đoàn điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình Đại hội và Quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tịch đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số. Chủ tịch đoàn hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội, và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Chủ tọa có quyền :

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác.
- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

- Thời gian hoãn theo qui định của Điều lệ công ty.

Ban thư ký:

thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tịch đoàn, cụ thể Ban thư ký có các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội;

- Soạn thảo Nghị quyết Đại hội;

- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch đoàn.

CHƯƠNG III

THỂ LỆ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

Điều 8. Cách thức tiến hành Đại hội

Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung phải biểu quyết theo Chương trình Đại hội.

Điều 9. Hình thức biểu quyết

- Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

- Việc biểu quyết theo hình thức giơ thẻ biểu quyết: Những cổ đông không giơ thẻ biểu quyết trong cả ba lần Chủ tọa hỏi ý kiến về nội dung đó (Đồng ý, Không đồng ý, ý kiến khác) được xem là Đồng ý với nội dung đó.

Ban thư ký sẽ thống kê và công bố tỷ lệ biểu quyết của từng vấn đề tại Đại hội.

Điều 10. Thông qua bằng biểu quyết tại Đại hội

Các nội dung biểu quyết được coi là thông qua bằng biểu quyết tại Đại hội khi có ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông dự Đại hội biểu quyết thông qua.

CHƯƠNG IV

PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

Điều 11. Nguyên tắc và hình thức phát biểu ý kiến

Cổ đông khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận thì ghi vào phiếu Chất vấn và phiếu góp ý của cổ đông có trong cặp tài liệu của các cổ đông, chuyển về Ban thư ký để ban thư ký chuyển về cho chủ tịch đoàn.

Ý kiến đóng góp, chất vấn cần ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua.

Chủ tịch đoàn sẽ giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

CHƯƠNG V

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 12. Biên bản họp, nghị quyết Đại hội

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được Ban thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội, các vấn đề chính thông qua phải được ghi vào nghị quyết.

Nghị quyết và Biên bản Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu giữ vào sổ Nghị quyết Công ty.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 13. Trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không thành.

Trường hợp trong vòng 60 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điều 4 Quy chế này thì việc triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai sẽ được tiến hành trong vòng 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất dự định khai mạc.

Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì được triệu tập cuộc họp lần thứ ba trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần hai và cuộc họp triệu tập lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông/đại diện cổ đông tham dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp theo đúng qui định tại Điều lệ công ty.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm 6 chương 14 điều và có hiệu lực kể từ khi được đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phan Văn Trúc

BÁO CÁO
TỔNG KẾT CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ NĂM 2015

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức chính thức bắt đầu hoạt động từ 1/1/2008
Mã số doanh nghiệp số: 0305409326 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp, với
cơ cấu vốn như sau:

- Tổng vốn điều lệ: 122.253.930.000VNĐ

Trong đó tỷ lệ vốn của các cổ đông như sau:

* Vốn nhà nước: 65% (tương ứng 79.465.100.000 VNĐ) do Tổng công ty Thép Việt Nam (VNS) sở hữu.

* Vốn các tổ chức, cá nhân khác: 35% (tương ứng 42.788.830.000 VNĐ) trong đó có 1 số tổ chức lớn:

+ Công ty Cổ phần Đại Lý Liên Hiệp Vận Chuyển: 10,9% (tương ứng 13.322.950.000 VNĐ)

+ Các tổ chức, cá nhân khác: 24,1% (tương ứng 29.465.880.000 VNĐ)

Đại hội đồng cổ đông thành lập đã bầu Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 5 năm 2013-2017 theo luật doanh nghiệp. Ban tổng giám đốc điều hành sản xuất kinh doanh theo Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014; kế hoạch, mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2015 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM NĂM 2014:

- Kinh tế trong nước có những chuyển biến tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát giảm, lãi suất cho vay giảm. Tăng trưởng GDP tăng cao hơn năm trước.
- Ngành thép trong nước vẫn đứng trước khó khăn do nguồn cung dư thừa, sự phát triển của bất động sản, đầu tư công có chuyển biến nhưng chưa đáng kể.
- Thương hiệu thép V hiện chưa chiếm lĩnh thị trường như năng lực vốn có của nó, xu hướng tăng trưởng thị phần không theo kịp với đà chung của ngành. Cuối năm 2014 công ty cổ phần Thép Thủ Đức đã triển khai xây dựng thương hiệu riêng VKC - Vikimco nhằm tăng tiêu thụ thép cán.

- Thị trường thép xây dựng trong và ngoài nước diễn biến phức tạp, khó khăn cho sản xuất kinh doanh, trong khi khả năng cạnh tranh của Thép Thủ Đức vẫn hạn chế, nằm trong nhóm công nghệ thấp. Tiêu thụ sản phẩm “V” nằm trong hệ thống tiêu thụ chung của VNS.

- Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty đã bám sát thị trường, quản trị sản xuất tốt, phát huy được những lợi thế trong sản xuất nên đã duy trì được sản xuất kinh doanh chính, có lợi nhuận trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, ổn định thu nhập của người lao động.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT – KINH DOANH – LỢI NHUẬN 2014:

Những chỉ tiêu chính đạt được trong sản xuất kinh doanh:

- Vẫn duy trì việc chủ động sản xuất các mặt hàng, chủng loại mà Công ty có ưu thế, thúc đẩy tiêu thụ (sản lượng sản xuất D10 và D12 đạt gần 50.000 tấn, chiếm 47,46% tổng sản lượng thép cán tiêu thụ được), tăng cường sản xuất các loại phôi thép hợp kim thấp SD390, SS400 nhằm tăng sản lượng tiêu thụ, đáp ứng được nhu cầu của đối tác cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Phối hợp tốt với VNS và khách hàng, sâu sát thông tin thị trường, linh hoạt thay đổi cơ cấu tiêu thụ sản phẩm thép cán và phôi thép đáp ứng tốt nhất nhu cầu của đối tác. Xuất khẩu thép cán thông qua VNS hơn 7.000 tấn, doanh số đạt ~ 3 triệu USD phục vụ cho công tác nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị.

- Chất lượng sản phẩm được kiểm tra nghiêm ngặt trước khi đưa ra thị trường. Tiếp thu nghiêm túc và giải quyết rõ ràng các thông tin phản ánh từ khách hàng, đã thỏa mãn phần nào nhu cầu thị trường.

* Kết quả sản xuất – kinh doanh năm 2014:

TT	Sản phẩm	ĐVT	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện Năm 2014	% so với kế hoạch	Năm 2014 so với năm 2013	
						Thực hiện 2013	% so 2013
I	Sản xuất						
1	Phôi thép	tấn	160.000	153.314	95,82	165.013	92,91
2	Thép cán	tấn	120.000	104.781	87,32	107.511	97,46
3	Oxy	M ³		4.596.057		5.223.254	87,99
II	Tiêu thu (Tổng)	tấn	155.000	151.982	98,05	164.534	92,37
	- Thép cán	tấn	120.000	107.097	89,25	104.383	102,6
	- Phôi thép	tấn	35.000	44.885	128,24	60.151	74,62
III	Chỉ tiêu t/chính						
	- Doanh thu	tỷ. đ	2.017,5	1.860,312	92,2	2.076,506	89,59
	- Lợi nhuận (trước thuế)	tỷ. đ	15	15,276	101,84	11,535	132,43
	- Khấu hao	tỷ. đ		15,383	-	17,357	88,62
	- Nộp ngân sách	tỷ. đ		38,0	-	20,791	182,77

III. ĐÁNH GIÁ SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Công tác kỹ thuật, đầu tư:

- Quản lý tốt công tác kỹ thuật công nghệ. Thực hiện các chỉ tiêu tiêu hao chính đạt định mức. Đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt chuẩn mực công bố và yêu cầu của khách hàng.
- Đã chú trọng áp dụng công nghệ mới để tăng khả năng cạnh tranh của công ty. Tháng 3/2014, đưa công trình lò nung phôi trung tần cán trực tiếp vào hoạt động. Kết quả đã giảm chi phí cán 250.000 đồng/tấn, góp phần tăng năng lực cạnh tranh của Công ty (tính toán một năm sản xuất 100.000 tấn sản phẩm có thể giảm chi phí xấp xỉ 25 tỷ đồng).
- Tổ chức tốt bảo dưỡng thiết bị định kỳ, không để xảy ra sự cố lớn ảnh hưởng sản xuất. Công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp được thực hiện tốt, không để xảy ra tai nạn lao động nặng, số tai nạn lao động giảm. Duy trì tốt phong trào “nhà máy công viên” tạo môi trường tốt hơn cho người lao động.

2. Công tác kinh doanh:

a. Về chuẩn bị vật tư nguyên liệu:

- Xác định đây là một trong những yếu tố quan trọng của 3 khâu: quản trị đầu vào, quản trị sản xuất, quản trị đầu ra (bán hàng). Đã chú trọng bám sát thị trường nguyên liệu sắt thép vụn, từ đó có chính sách giá và thu mua hợp lý. Chú trọng nghiệm thu tốt, loại bỏ tạp chất tạo điều kiện cho sản xuất hiệu quả. Phối hợp với công nghệ để định hướng sử dụng liệu và mua liệu phù hợp để tăng hiệu quả. Tính toán để giá thành thấp nhất khi sử dụng liệu giá thấp mà vẫn đảm bảo chất lượng phôi. Quý 4/2014 đã thực hiện tốt để giảm được chi phí liệu trong giá thành sản phẩm.
- Các vật tư khác cho sản xuất như vật liệu chịu lửa, pherô hợp kim được lựa chọn, đánh giá nhà cung cấp để giảm chi phí cho sản xuất.
- Thực hiện tồn kho vật tư thiết bị hợp lý cho từng thời kỳ góp phần giảm chi phí tồn kho, tranh thủ được cơ hội mua được liệu giá thích hợp, góp phần giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

b. Công tác tiêu thụ và xây dựng thương hiệu:

- Đánh giá sát thị trường để có chiến lược tiêu thụ sản phẩm:
- Giai đoạn đầu (tháng 1 đến tháng 8) đã chú trọng cả tiêu thụ V và tiêu thụ phôi.
- Khi thị trường phôi khó khăn đã chuyển sang đẩy mạnh tiêu thụ cả V, V_{KC} và các sản phẩm khác bằng gia công trên cơ sở tận dụng năng lực thiết bị, tạo điều kiện ổn định thu nhập và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Về tiêu thụ V: Phối hợp với phòng Thị Trường VNS, Công ty Thép Miền Nam và khách hàng để nắm bắt thông tin, yêu cầu để thay đổi cơ cấu sản phẩm thép cán để đáp ứng kịp thời yêu cầu của khách hàng, người tiêu dùng... Trong năm đã tiêu thụ 88.500 tấn thép V, trong đó xuất khẩu được 7.000 tấn, doanh số hơn 4 triệu USD. Tuân thủ tốt các quy định về tiêu thụ V của VNS.

- Xây dựng thương hiệu riêng: Việc tiêu thụ thép cán nhân hiệu V của Thép Thủ Đức do Tổng Công ty tiêu thụ 100 %, vì vậy đầu ra của quá trình sản xuất phụ thuộc rất nhiều vào chính sách chung của hệ thống tiêu thụ hệ thống V. Đây thực sự là một hạn chế của một doanh nghiệp. Để mở rộng, chủ động và đẩy mạnh sản xuất kinh doanh. Thép Thủ Đức đã lập bộ phận chuyên về xây dựng thương hiệu mới với nhiệm vụ xác định nhân hiệu hàng hóa, xác định thị trường mục tiêu, chiến lược tiếp thị, marketing cụ thể. Cuối tháng 8/2014, sản phẩm V_{KC} của Thép Thủ Đức đã được đưa ra thị trường. Bước đầu sản phẩm đã được khách hàng tin nhiệm và đánh giá cao, tạo điều kiện cho sản xuất 2015: lượng tiêu thụ tăng dần theo từng tháng một cách vững chắc: Tiêu thụ tháng 9: 300 tấn; tháng 10: 600 tấn; tháng 11: 1.500 tấn; tháng 12: 3.000 tấn thép Thép Thủ Đức - V_{KC}. Tuy nhiên hiện chỉ mới có sản phẩm cây vằn Vikimco. Cần có chiến lược, giải pháp để có cuộn 6 – 8 Vikimco để thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm Vikimco.

3. Công tác tổ chức lao động:

- Xác định năng suất lao động, chất lượng lao động là yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Vì vậy rất chú trọng đào tạo, tuyển dụng và giảm lao động. Trong năm giảm tuyệt đối 25 lao động, số lao động đầu năm là 426 người, số còn lại cuối năm 401 người. Chú trọng trong đào tạo nâng bậc và đào tạo các kỹ sư công nghệ mới tuyển.
- Đã ban hành, điều chỉnh quyết định thưởng phạt hệ số lương sản phẩm gắn với các chỉ tiêu tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất phôi và thép cán tạo kết quả tốt.
- Lương bình quân của CBCNV trong năm ước đạt 8,5 triệu đồng/người/tháng.
- Xây dựng và triển khai một cách tích cực Chương trình kế hoạch phòng, chống tham nhũng và Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong công ty.
- Đã ban hành, triển khai “Quy chế Dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc” theo 60/2013/NĐ-CP của Chính phủ.
- Công tác tổ chức ổn định đội ngũ, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, bổ xung nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu của sản xuất kinh doanh.
- Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người lao động luôn được quan tâm, thực hiện khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp cho CB.CNV.

4. Công tác Tài chính - kế toán:

- Quản trị tài chính là rất quan trọng trong hoạt động của công ty. Đã phối hợp với các Ngân hàng có quan hệ chiến lược với công ty để đảm bảo đủ nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh với mức lãi suất thấp thích hợp.
- Định kỳ hàng tháng xác định rõ giá thành và hiệu quả để chủ động trong điều hành bán hàng và sản xuất để đảm bảo có hiệu quả.
- Đã thực hiện tốt các nhiệm vụ tài chính kế toán để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, hạn chế rủi ro.

- Xây dựng kế hoạch tài chính, xác định nhu cầu vốn hàng tháng, đảm bảo đủ nguồn vốn cho sản xuất. Chủ động giao dịch vay vốn trực tiếp và tạo được uy tín với các ngân hàng và các tổ chức tài chính với mức lãi suất thích hợp.
- Chấp hành nghiêm chỉnh chế độ quản lý vốn, chế độ thanh quyết toán.

5. Hoạt động của các tổ chức đoàn thể:

*** Hoạt động Công đoàn**

- Hoạt động của đoàn thể quần chúng thường xuyên được quan tâm. Tổ chức Công đoàn hoạt động tích cực, phát động các phong trào thi đua phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và nâng cao hiệu quả sản xuất, cùng chính quyền chăm lo tốt đời sống người lao động.
- Công tác xã hội từ thiện được lãnh đạo Công ty quan tâm triển khai thực hiện. Năm 2014 Công ty đóng góp thực hiện công tác xã hội từ thiện, biên - đảo 223,53 triệu đồng. Vận động CB.CNV đóng góp ủng hộ những hoàn cảnh bệnh tật khó khăn và 01 ngày lương sản phẩm vào quỹ xã hội từ thiện.

*** Tổ chức đoàn thanh niên**

Đoàn thanh niên đẩy mạnh các hoạt động văn thể mỹ, đăng ký thực hiện sáng kiến, hợp lý hóa sản xuất, tham gia phong trào xây dựng nhà máy công viên.

IV. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN:

Như đã trình bày ở các đại hội lần trước, Thép Thủ Đức muốn phát triển ổn định và bền vững thì phải có chiến lược tốt và thực hiện tốt chiến lược đã định.

1. Trong ngắn hạn:

Tiếp tục quản lý có hiệu quả tại cơ sở hiện nay, phát huy năng lực sẵn có, đầu tư thích hợp để giảm chi phí và tăng khả năng cạnh tranh, xây dựng thương hiệu riêng V_{KC} – Vikimco dần ổn định và vững mạnh trên thị trường để tăng tiêu thụ sản phẩm.

Hiện nay khâu quan trọng trong sản xuất kinh doanh là tiêu thụ sản phẩm, theo thỏa thuận hợp tác với Tổng Công ty Thép Việt Nam thì, Thép Thủ Đức sản xuất và tiêu thụ cả hai thương hiệu “V” và “V_{KC}”. Phải tận dụng mọi lợi thế trong hợp tác tiêu thụ thép “V” và phát triển thương hiệu V_{KC} – Vikimco để phục vụ cho phát triển bền vững và dài hạn.

Lấy mục tiêu lợi ích cổ đông song hành với lợi ích người lao động, CBCNV thi đua sản xuất với hiệu quả cao, để công ty có lợi nhuận và cải thiện thu nhập cho người lao động.

2. Trong dài hạn:

Tuy chưa có văn bản cụ thể về thời điểm phải di dời, nhưng với sự phát triển cơ sở hạ tầng của thành phố và tiến độ xây dựng tuyến mê tro Bến Thành - Suối Tiên thành phố sẽ sớm có qui hoạch. Muốn tồn tại và phát triển, Thép thủ Đức phải được di dời và xây dựng với quy mô lớn hơn, công nghệ tốt hơn và cạnh tranh hơn.

a) Về phương án di dời:

Đã cùng Công ty Tư Vấn Luyện Kim lập hương án di dời trình cổ đông chính VNSTEEL với những nội dung chính như sau:

- * Địa điểm xây dựng nhà máy mới: Khu công nghiệp Phước Đông, Cần Đức, Long An.
- * Quy mô công suất: 300.000 tấn/năm.
- * Vốn đầu tư: 550 tỷ đồng.
- * Thời gian thực hiện: từ 2018 – 2019.

Nếu được chấp thuận và được thông qua tại đại hội cổ đông sẽ tạo điều kiện tăng khả năng cạnh tranh của Công ty. Khi đó Thép Thủ Đức mới thực sự tồn tại và phát triển.

b) Về hỗ trợ vốn di dời đối với đất đang thuê hiện tại:

Khu đất hiện tại Thép Thủ Đức đang thuê hàng năm của Nhà nước. Để tận dụng các khả năng hỗ trợ khi di dời, Thép Thủ Đức đã thực hiện xong quy hoạch 1/2000 khu đất hiện tại, có các thông số cụ thể cho quy hoạch 1/500, là cơ sở cho việc liên kết sử dụng đất tạo nguồn kinh phí hỗ trợ cho di dời.

V. HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

- Hội Đồng Quản Trị hoạt động theo qui định của Điều lệ Công ty. Hàng quý họp xem xét đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh quý sau. Giao cho Ban điều hành tổ chức thực hiện và thể hiện được việc kiểm soát, đánh giá hoạt động của Công ty. Xác định các mục tiêu và biểu quyết các vấn đề lớn về đầu tư, phát triển cũng như định hướng sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đã chi thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông năm 2014 tổng cộng 408 triệu đồng.
- Hàng quý và kết thúc năm tài chính, Ban Kiểm Soát thực hiện công tác kiểm soát hoạt động của công ty, có kết luận, báo cáo gửi Hội Đồng Quản Trị xem xét.
- Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị đều mời Trưởng ban Kiểm Soát tham gia góp ý kiến, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của công ty, giám sát công tác điều hành, triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, các quy chế và điều lệ của công ty.

VI. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC:

Ban Kiểm Soát đã phối hợp với Hội Đồng Quản Trị, kiểm soát việc điều hành, giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty, đánh giá, báo cáo kiểm soát hàng quý.

1. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành

Trong năm qua Tổng giám đốc điều hành đã triển khai thực hiện nghiêm túc nghị quyết của Đại Hội Đồng cổ đông năm 2014 và các nghị quyết họp từng quý của Hội đồng quản trị.

Tình hình kinh tế trong nước còn nhiều biến động phức tạp, Ban điều hành Công ty đã đề ra nhiều quyết sách đúng, kịp thời nên duy trì được sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Khi tiêu thụ thép xây dựng gặp khó khăn cạnh tranh gay gắt, hiệu quả thấp đã chủ động chuyển sang bán phôi thép, sản xuất gia công đã đem lại lợi nhuận khá trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn đối với ngành thép, ổn định thu nhập của người lao động.

Tổng giám đốc triển khai thực hiện rất ráo và đúng tiến độ các hạng mục công trình đầu tư, đã được Đại Hội Đồng cổ đông và Hội Đồng Quản Trị phê duyệt, sớm đưa vào sản xuất, phát huy được hiệu quả công tác đầu tư, giảm chi phí sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh Công ty (như dự án lò nung phôi cảm ứng).

Thực hiện tốt Quy chế quản trị công ty, các hoạt động tài chính minh bạch được cơ quan thuế và kiểm toán đánh giá tốt.

2. Kết quả giám sát đối với đội ngũ cán bộ quản lý

Đội ngũ cán bộ quản lý đoàn kết, năng động, có năng lực tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng được nhu cầu của sản xuất kinh doanh.

Trường các đơn vị thực hiện tốt các Quy chế, Quy định không để xảy ra các sai phạm về công tác quản lý tài chính, các vị trí nhạy cảm đều được quan tâm kiểm soát, huy động tốt nguồn lực đẩy mạnh sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Với chức trách, nhiệm vụ được giao, cán bộ quản lý tận tụy với nhiệm vụ của mình, gương mẫu, trung thực.

PHẦN THỨ HAI KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NĂM 2015:

Năm 2015 kinh tế nước ta tiếp tục hội nhập sâu rộng hơn, doanh nghiệp phải cạnh tranh gay gắt hơn. Chính phủ tiếp tục chủ trương tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, giữ ổn định tỷ giá.

Nhu cầu tiêu thụ thép của thị trường trong nước sẽ được cải thiện so năm 2014, tuy nhiên năm 2015 ngành sản xuất thép sẽ tiếp tục gặp khó khăn do công suất nguồn cung trong nước tăng thêm, bảo hộ thuế quan cho ngành thép giảm, thép nhập khẩu vào Việt Nam mạnh hơn.

Bên cạnh thuận lợi về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 và những khó khăn, Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 như sau:

II. MỤC TIÊU SẢN XUẤT – KINH DOANH NĂM 2015 :

1. Mục tiêu tổng thể:

- Đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả, giữ vững thị phần, ổn định thu nhập người lao động.
- Giảm hơn nữa các chỉ tiêu tiêu hao nguyên nhiên liệu - năng lượng, giá thành.
- Nâng cao hơn nữa năng suất, chất lượng phôi thép và thép cán. Nâng cao hiệu quả sản xuất, uy tín sản phẩm và năng lực cạnh tranh. Từng bước vững chắc đưa sản phẩm thương hiệu VIKIMCO - VKC vào thị trường dân dụng và công trình.

2. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất – kinh doanh chủ yếu:

*** Sản Xuất**

- Phôi thép: **150.000** tấn.
- Thép cán: **115.000** tấn.

*** Kinh doanh – lợi nhuận:**

- Tiêu thụ :
 - * **115.000** tấn thép cán.
 - * **30.000** tấn phôi.
- Lợi nhuận sau thuế : **10** tỷ đồng.
- Cổ tức: **6 %**.

III. BIỆN PHÁP CHỦ YẾU QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH:

1. Phát huy có hiệu quả các công trình đầu tư đã thực hiện xong . Nâng cao hiệu xuất sử dụng thiết bị nhằm giảm hơn nữa tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu trong sản xuất. Hoàn thành dự án Quenching để sản xuất CB400, SD390.
2. Xây dựng giải pháp công nghệ nhằm nâng cao và ổn định chất lượng, tiết kiệm. Đẩy mạnh sản xuất đa dạng các mức thép và đảm bảo chất lượng sản phẩm giữ uy tín thương hiệu.
3. Phối hợp chặt chẽ với VNS trong việc đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm thương hiệu “V”. Đặc biệt chú trọng xây dựng và phát triển thương hiệu VIKIMCO - VKC. Chú trọng đến hợp tác cùng có lợi của hệ thống tiêu thụ để củng cố, nâng cao uy tín sản phẩm “VKC”
4. Thực hiện tốt việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm của Công ty.
5. Theo dõi và đánh giá sát thị trường để có các giải pháp thích hợp để đẩy mạnh tiêu thụ. Chú trọng đến nguồn nguyên liệu (sắt thép vụn) để sản xuất phôi đạt giá thành tối ưu.
6. Phát huy hiệu quả của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

IV. CHĂM LO ĐỜI SỐNG NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Cân đối và tổ chức lao động phù hợp với nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh. Đảm bảo năng suất, hiệu quả và thu nhập của CBCNV.

2. Thực hiện tốt công tác an toàn, bảo hộ lao động, tiếp tục cải thiện điều kiện lao động, vệ sinh môi trường “Nhà máy - công viên”.
3. Làm tốt và đầy đủ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho CBCNV.
4. Tổ chức và tham gia các hoạt động văn thể, phòng chống các tệ nạn xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh chương trình kế hoạch phòng ngừa, chống lãng phí, tiêu cực và tham nhũng.
5. Kiên trì phấn đấu giữ gìn môi trường trong Công ty xanh, sạch, đẹp.

V. CÔNG TÁC KHÁC:

- Thực hiện chiến lược phát triển Thép Thủ Đức đến năm 2020, trong đó từ nay phát huy cơ sở hiện có, sau năm 2016 tiến hành xây dựng một nhà máy mới công suất luyện và cán phù hợp phục vụ công tác di dời.
- Xem xét đầu tư ngắn hạn, hợp lý những hạng mục cần thiết để phát huy cơ sở sẵn có.
- Phối hợp với ban ngành của thành phố chuyển mục đích sử dụng khu đất hiện tại khi có quy hoạch của thành phố để di dời.

Nơi nhận:

- Cổ đông
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THÉP
THỦ ĐỨC
Phan Văn Trúc



Tp Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT 2014

Ban Kiểm Soát Công Ty Cổ Phần Thép Thủ Đức trân trọng báo cáo Đại hội Đồng Cổ Đông kết quả kiểm tra, giám sát năm 2014 như sau :

A – Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính :

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014 được lập bởi Tổng Giám Đốc và được Công Ty TNHH Hãng Kiểm Toán (AASC) thực hiện kiểm toán. Kết quả kiểm toán như sau :

I – Xem xét tình hình kết quả sản xuất kinh doanh

- Căn cứ vào báo cáo Công ty CP Thép Thủ Đức, Ban Kiểm Soát có nhận xét như sau :

Chỉ tiêu	2014	2013	+/-	%
1. Doanh thu thuần	1.860.312.861.158	2.070.026.182.768	-209.713.321.610	-10,13%
2. Giá vốn hàng bán	1.783.572.820.605	1.995.035.582.202	-211.462.761.597	-10,60%
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung	76.740.040.553	74.990.600.566	1.749.439.987	2,33%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	2.981.369.546	1.750.175.004	1.231.194.542	70,35%
5. Chi phí tài chính	20.166.396.198	25.880.372.422	-5.713.976.224	-22,08%
- Trong đó : Chi phí lãi vay	18.840.825.437	24.954.367.167	-6.113.541.730	-24,50%
6. Chi phí bán hàng	15.805.449.302	14.653.113.980	1.152.335.322	7,86%
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.036.749.949	24.672.402.667	4.364.347.282	17,69%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	14.712.814.650	11.534.886.501	3.177.928.149	27,55%
9. Thu nhập khác	907.872.693	120.000.343	787.872.350	656,56%
10. Chi phí khác	344.871.899	226.528.463	118.343.436	52,24%
11. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	563.000.794	-106.528.120	669.528.914	628,50%
12. Tổng lợi nhuận trước thuế	15.275.815.444	11.428.358.381	3.847.457.063	33,67%
13. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.524.008.930	3.468.372.117	55.636.813	1,60%
14. Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51)	11.751.806.514	7.959.986.264	3.791.820.250	47,64%

Phân tích tình hình tiêu thụ :

Từ số liệu trên cho thấy, doanh thu năm 2014 có sự sụt giảm 10,13%, trong đó doanh thu bán phối giảm 175,123 tỷ tương ứng giảm 25,51% so với năm 2013, doanh thu thép giảm 32,299 tỷ tương ứng 2,69%. Nguyên nhân chủ yếu : nhìn chung đơn giá bán bình quân của phối và thép đều giảm so với 2013 (thép : 12.601/13.227 đ/kg); phối (11.389 / 11.410 đ/kg), thị trường thép xây dựng giá cả biến động lên xuống bất thường.

So với năm 2013, năm 2014, việc tiêu thụ phối không thuận lợi, Công ty đã đẩy mạnh tiêu thụ thép cán, đem về doanh thu cho Công ty. Từ T08/2014, Công ty đã từng bước đưa vào thị trường tiêu thụ thép với thương hiệu VKC, và đã tiêu thụ được 5.400 tấn/88.500 tấn, chiếm 6,1% sản lượng thép tiêu thụ. Từ đó, đã góp phần đem lại lợi nhuận cho Công ty.

Là một doanh nghiệp sản xuất, việc quản trị giá thành, giảm tiêu hao, áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại luôn là vấn đề cốt lõi, hàng đầu. Thủ Đức tuy được xếp vào nhóm công nghệ cũ nhưng luôn cố gắng cải tiến từng bước công nghệ sản xuất, nhằm tạo những sản phẩm đẹp, đủ chất lượng, và giá thành thấp nhất. Cụ thể, trong năm Công ty đã đưa công trình lò nung phối trung tâm đưa thời nóng vào sx cán. Kết quả giảm chi phí cán 250.000đ/tấn. Điều này thể hiện qua việc giá vốn giảm 10,6% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận gộp của năm 2014 vẫn đảm bảo có lãi và tăng hơn so với 2013 là 2,33%.

Trong năm 2014, với việc giá liệu sụt giảm, nhiều lúc, Công ty đã phải ngưng nhập liệu, ngưng sản xuất, để giảm hàng tồn kho, tiết kiệm chi phí. Từ đó, cũng giảm thiểu rủi ro tiềm tàng về hàng tồn kho giá cao, khó tiêu thụ, giảm thiểu nguồn vốn bị chiếm dụng.

Chi phí lãi vay giảm 24,5% do lãi vay ngân hàng giảm, mức lãi suất vay bình quân năm 2014 là 6,5%/năm so với năm 2013 là 7,5%/năm, số tiền sử dụng vốn vay từ ngân hàng cũng giảm. Điều này góp phần tạo nên mức lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 14,712 tỷ, tăng 27,55%

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2014 là 15,275 tỷ tăng 33,67% so với năm 2013.

II – Tình hình tài sản – nguồn vốn đến 31/12/2014

Stt	Chỉ tiêu	2014 (ktoan)	2013 (đc)	+/-	%
A	Tổng tài sản	424.699.821.631	542.821.781.196	(118.121.959.565)	-21,81%
1	Tài sản ngắn hạn	345.107.133.434	456.595.418.513	(111.488.285.079)	-24,49%
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	126.240.120.069	34.963.803.837	91.276.316.232	261,06%
	- Các khoản phải thu	81.466.878.712	166.373.625.786	(84.906.747.074)	-51,03%
	<i>Trong đó : dự phòng nợ khó đòi</i>	<i>(1.810.794.210)</i>	<i>-</i>	<i>(1.810.794.210)</i>	
	- Hàng tồn kho	137.375.034.253	240.045.855.213	(102.670.820.960)	-43,00%
	- Tài sản ngắn hạn khác	25.100.400	15.212.133.677	(15.187.033.277)	-99,83%
2	Tài sản dài hạn	79.592.688.197	86.226.362.683	(6.633.674.486)	-7,69%
	- Tài sản cố định hữu hình	76.984.489.237	82.132.719.492	(5.148.230.255)	-6,27%
	tr.đó : -Nguyên giá	286.445.539.981	281.919.739.382	4.525.800.599	1,61%
	- Xây dựng cơ bản dở dang	2.608.198.960	2.382.858.586	225.340.374	9,46%
	- Tài sản dài hạn khác	-	1.710.784.605	(1.710.784.605)	
B	Tổng nguồn vốn	424.699.821.631	542.821.781.196	(118.121.959.565)	-21,81%
1	Nợ phải trả	254.353.995.647	377.160.188.096	(122.806.192.449)	-32,59%
	- Vay và nợ ngắn hạn	206.786.590.676	300.516.329.926	(93.729.739.250)	-31,19%
	- Phải trả người bán	14.263.424.359	55.700.370.604	(41.436.946.245)	-74,39%
2	Vốn chủ sở hữu	170.345.825.984	165.661.593.100	4.684.232.884	2,84%

Số liệu trên có các điểm nổi bật như sau :

Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm 2014, tăng cao do có một số khoản tiền khách hàng chuyển tiền trả nợ, chủ yếu là Công ty Thép Miền Nam (hiện nay Thép Miền Nam có thay đổi chính sách mua hàng, thanh toán trong 10 ngày khác trước đây thanh toán chậm 30 ngày). Các khoản tiền này về vào các ngày cuối năm và số dư nợ vay cũng đã giảm khá nhiều đa phần chỉ còn là các khoản nợ mới phát sinh nên Công Ty không thể trả trước hạn thêm được nữa cho các ngân hàng . Hơn nữa việc giảm hàng tồn kho, cũng tạo ra thêm khoản vốn lưu động bằng tiền .

Quản lý công nợ : đến 31/12/2014, các khoản phải thu giảm 51%, tương đương giảm 84,9 tỷ đồng so với cùng kỳ, các khoản trả trước người bán cũng giảm 41 tỷ đồng, 74% so với cùng kỳ. Đánh giá Công ty quản lý công nợ tốt.

Đến 31/12/2014, Công ty có trích lập dự phòng nợ khó đòi là 1,810 tỷ đồng của khách hàng là Công ty Lợi My 2 (50%), thời hạn phát sinh công nợ trên 1 năm, và Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Miền Nam là 385 triệu đồng

Tài sản ngắn hạn giảm do trong năm Công ty đã làm thủ tục hoàn thuế và đã nhận được tiền. Tháng 04/2014, Công ty đã nhận được quyết định hoàn thuế GTGT 14 tỷ, và tiền hoàn về vào ngày 06/04/2014.

Tiền thuế phát sinh cuối năm phải thanh toán 6,805 tỷ là khoản tiền thuế GTGT phải nộp trong T12/2014, và thuế TNDN quý 4/2014.

Trong năm, Công ty đã mua sắm máy móc thiết bị, số tiền là 10,139 tỷ đồng, và 365 tr mua sắm thiết bị quản lý. Những hạng mục đó là : công trình lò nung phôi trung gian (4,746 tỷ), Máy biến áp ba pha 5000KVA (1,5tỷ), dàn dẫn thổi nóng (1 tỷ), phòng biến thế điều khiển (478 triệu đồng), Đường dây máy biến thế 6000 KVA (1,39 tỷ), rai thép sản nguội (703 triệu),

Khóan mục xây dựng cơ bản : Quy hoạch dự án xây dựng NM Thép Thủ Đức 1 tỷ, lò nung trung gian phân xưởng cán 1,51 tỷ đồng.

Công ty cũng đã thanh lý tài sản cố định không cần dùng để thu hồi vốn, đó là bộ điện trở, tụ trở, máy biến thế 5000 KVA, giá trị còn lại 270 triệu đồng, và thanh lý dụng cụ quản lý, đã hết khấu hao, giá trị còn lại bằng 0, tổng giá trị thu hồi là 763 triệu đồng.

Số liệu hàng tồn kho : 137 tỷ giảm 102 tỷ, tương ứng giảm 43%. Những tháng cuối năm, Công ty đã tiêu thụ lượng lớn thép, do quản trị tốt giá cả, giải phóng hàng tồn kho. Số liệu như sau :

Stt	Hàng tồn kho	2014		2013	
		SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
1	Thép phế liệu	3.062.887	17.837.305.582	8.469.795	65.911.842.023
2	Phôi thép	2.033.978	21.137.988.789	2.426.902	27.144.948.456
3	Thép thành phẩm	5.091.477	59.325.954.273	7.399.212	92.204.557.219
		8.687.855	80.844.934.073	18.295.909	185.261.347.698

Trong đó, hàng gửi bán là 17,456 tỷ đ, số lượng là : 1.500,487 tấn

III – Mức độ hoàn thành kế hoạch

Khoản mục	ĐVT	Kế hoạch 2014	2014	2013	% 2014 /KH 2014	%2014 /2013
Sản xuất						
- Phôi thép	tấn	160.000	153.314	169.009	95,82%	90,71%
- Thép cán	tấn	120.000	104.790	107.979	87,32%	97,05%
Tiêu thụ						
- Phôi thép	tấn	35.000	44.886	60.151	128,24%	74,62%
- Thép cán	tấn	120.000	107.097	104.851	89,25%	102,14%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	15	15,443	10,140	102,95%	152,30%

IV – Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát

- Trong năm Ban Kiểm Soát đã thực hiện báo cáo kiểm soát hàng quý theo đúng quy định của Điều lệ Công Ty, đánh giá, giám sát tình hình sản xuất kinh doanh trong quý, kịp thời phản ánh, ghi nhận hoạt động của Công ty để báo cáo cho Hội Đồng Quản trị họp hàng quý.
- Thẩm định báo cáo Kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2014.
- Trong năm, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp hàng quý và thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để triển khai nghị quyết của đại hội cổ đông; thảo luận và quyết nghị về những vấn đề chính yếu của Công Ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.
- HĐQT, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác đã cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty, tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi. Các thành viên BKS tham dự các họp giao ban, Trưởng ban tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT.

V - Kế hoạch hoạt động năm 2015

Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định trong điều lệ tổ chức hoạt động của Công Ty và tiếp tục thực hiện chương trình công tác đã ban hành, cụ thể :

- Thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2015 của Công Ty.

Trên đây là báo cáo Ban Kiểm Soát, kính trình HĐQT xem xét.

TM BAN KIỂM SOÁT


Đỗ Thị Long Châu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(đã được kiểm toán)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức được chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Thép Thủ Đức theo Quyết định số 2254/QĐ-BCN ngày 29 tháng 6 năm 2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 642/QĐ-TCLĐ ngày 21 tháng 9 năm 2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thép Thủ Đức thành Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008922 ngày 29 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần 1 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0305409326 ngày 20 tháng 09 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km số 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Văn Trúc	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2014)
Ông Hoàng Ngọc Oanh	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 02 tháng 04 năm 2014)
Ông Nguyễn Phùng Hiền	Thành viên	
Ông Trịnh Chính Sinh	Thành viên	
Ông Lê Khắc Thành	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Ngọc Oanh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phùng Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Anh Kiệt	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thị Long Châu	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Minh	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Phúc	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức

Địa chỉ: Km số 9 Xa lộ Hà Nội, quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

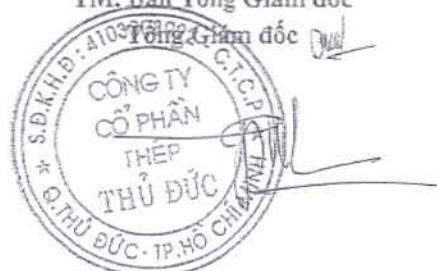
Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP.HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2015

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Hoàng Ngọc Oanh

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức được lập ngày 28 tháng 02 năm 2015, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Bùi Văn Thảo

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0522-13-002-1

TP Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2015

Trần Trung Hiếu

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 2202-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*tại ngày 31 tháng 12 năm 2014*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		345.107.133.434	456.595.418.513
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	126.240.120.069	34.963.803.837
111	1. Tiền		126.240.120.069	34.963.803.837
130	III. Các khoản phải thu		81.466.878.712	166.373.625.786
131	1. Phải thu của khách hàng		83.048.139.913	164.023.787.478
132	2. Trả trước cho người bán		214.059.000	1.683.817.000
135	5. Các khoản phải thu khác	4	15.474.009	666.021.308
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.810.794.210)	-
140	IV. Hàng tồn kho	5	137.375.034.253	240.045.855.213
141	1. Hàng tồn kho		137.375.034.253	240.045.855.213
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		25.100.400	15.212.133.677
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	13.791.970.227
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	1.387.831.500
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		25.100.400	32.331.950
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		79.592.688.197	86.226.362.683
220	II. Tài sản cố định		79.592.688.197	84.515.578.078
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	76.984.489.237	82.132.719.492
222	- Nguyên giá		286.445.539.981	281.919.739.382
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(209.461.050.744)	(199.787.019.890)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7	2.608.198.960	2.382.858.586
260	V. Tài sản dài hạn khác		-	1.710.784.605
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	1.710.784.605
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		424.699.821.631	542.821.781.196

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		254.353.995.647	377.160.188.096
310	I. Nợ ngắn hạn		254.353.995.647	377.160.188.096
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	8	206.786.590.676	300.516.329.926
312	2. Phải trả cho người bán		14.263.424.359	55.700.370.604
313	3. Người mua trả tiền trước		220.853.680	126.769.731
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	6.805.111.310	1.855.527.216
315	5. Phải trả người lao động		19.762.500.200	12.681.659.923
316	6. Chi phí phải trả	10	4.093.996.987	3.803.185.126
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	11	1.656.171.130	1.569.645.395
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		765.347.305	906.700.175
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		170.345.825.984	165.661.593.100
410	I. Vốn chủ sở hữu	12	170.345.825.984	165.661.593.100
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		122.253.930.000	122.253.930.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.708.334.281	17.708.334.281
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		12.677.997.545	12.677.997.545
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		5.061.345.010	5.061.345.010
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.644.219.148	7.959.986.264
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		424.699.821.631	542.821.781.196

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			(đã điều chỉnh)
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		2.191.764.077	2.191.764.077
5. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ (USD)		380.746,23	12.094,63

Người lập biểu

Nguyễn Anh Kha

Kế toán trưởng

Dương Minh Chính

TP. HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc



Hoàng Ngọc Oanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13	1.864.815.132.197	2.076.506.168.368
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	14	4.502.271.039	6.479.985.600
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	1.860.312.861.158	2.070.026.182.768
11	4. Giá vốn hàng bán	16	1.783.572.820.605	1.995.035.582.202
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		76.740.040.553	74.990.600.566
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	2.981.369.546	1.750.175.004
22	7. Chi phí tài chính	18	20.166.396.198	25.880.372.422
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		18.840.825.437	24.954.367.167
24	8. Chi phí bán hàng	19	15.805.449.302	14.653.113.980
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	29.036.749.949	24.672.402.667
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.712.814.650	11.534.886.501
31	11. Thu nhập khác	21	907.872.693	120.000.343
32	12. Chi phí khác	22	344.871.899	226.528.463
40	13. Lợi nhuận khác		563.000.794	(106.528.120)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.275.815.444	11.428.358.381
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	3.524.008.930	3.468.372.117
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		11.751.806.514	7.959.986.264
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	961	651

Người lập biểu



Nguyễn Anh Kha

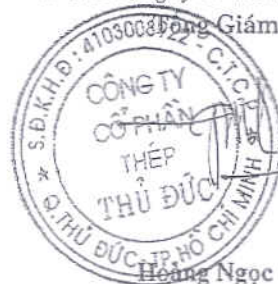
Kế toán trưởng



Dương Minh Chính

TP.HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc



Hoàng Ngọc Oanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	(đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		15.275.815.444	11.428.358.381
	2. Điều chỉnh các khoản		35.182.973.259	41.505.472.075
02	- Khấu hao TSCĐ		15.383.222.906	17.357.602.947
03	- Các khoản dự phòng		1.810.794.210	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		49.515.885	962.740
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(901.385.179)	(807.460.779)
06	- Chi phí lãi vay		18.840.825.437	24.954.367.167
08	3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		50.458.788.703	52.933.830.456
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		98.282.986.141	(98.387.088.316)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		102.670.820.960	(840.189.229)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(31.024.492.355)	514.599.317
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.710.784.605	(1.624.363.425)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(18.869.492.416)	(25.419.553.102)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.269.384.615)	(5.081.638.804)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		398.592.021	1.312.545.541
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.096.230.000)	(3.561.775.126)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		201.262.373.044	(80.153.632.688)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(11.307.410.145)	(7.555.783.858)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác		839.893.800	120.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		331.302.870	687.460.779
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(10.136.213.475)	(6.748.323.079)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.484.790.830.135	1.680.565.280.321
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.578.520.569.385)	(1.676.382.311.430)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.112.696.500)	(9.780.314.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(99.842.435.750)	(5.597.345.509)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		91.283.723.819	(92.499.301.276)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		34.963.803.837	127.464.030.243
61	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến quy đổi ngoại tệ		(7.407.587)	(925.130)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	126.240.120.069	34.963.803.837

Người lập biểu

Nguyễn Anh Kha

Kế toán trưởng

Dương Minh Chính

TP. HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2015



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức được chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Thép Thủ Đức theo Quyết định số 2254/QĐ-BCN ngày 29 tháng 6 năm 2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 642/QĐ-TCLĐ ngày 21 tháng 9 năm 2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thép Thủ Đức thành Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008922 ngày 29 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần 1 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0305409326 ngày 20 tháng 09 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km số 9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ của Công ty là 122.253.930.000 VND tương đương với 12.225.393 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND. Vốn thực góp của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 122.253.930.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thép và sản phẩm thép; nguyên nhiên liệu, thứ phế liệu kim loại cho sản xuất thép; các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí, công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất, kinh doanh oxy, nitơ, argon dạng khí và lỏng; mua bán, lắp đặt hệ thống thiết bị sản xuất và sử dụng khí;
- Kinh doanh, khai thác cảng;
- Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Xây dựng, kinh doanh cao ốc, văn phòng, nhà ở.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
- Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 20 năm

2.8 .Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.9 .Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

2.16. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	202.458.230	231.729.284
Tiền gửi ngân hàng	126.037.661.839	34.732.074.553
	<u>126.240.120.069</u>	<u>34.963.803.837</u>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về thuế TNCN của CBCNV	-	391.276.409
Phải thu lãi chậm trả	-	240.887.219
Công ty TNHH TMDV Thiên Long (ứng trước phí giao nhận)	-	27.091.680
Phải thu khác	15.474.009	6.766.000
	15.474.009	666.021.308

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	56.399.976.057	120.159.245.555
Công cụ, dụng cụ	306.546.206	332.535.055
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.342.557.717	27.349.517.384
Thành phẩm	41.869.639.702	92.204.557.219
Hàng gửi đi bán	17.456.314.571	-
	137.375.034.253	240.045.855.213

6 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	40.365.474.348	208.145.361.664	29.295.810.969	4.113.092.401	281.919.739.382
Số tăng trong năm	-	10.139.804.142	-	365.000.000	10.504.804.142
- Mua sắm	-	10.139.804.142	-	365.000.000	10.504.804.142
Số giảm trong năm	-	(5.258.429.808)	-	(720.573.735)	(5.979.003.543)
- Thanh lý TSCĐ	-	(5.258.429.808)	-	(720.573.735)	(5.979.003.543)
Số dư cuối năm	40.365.474.348	213.026.735.998	29.295.810.969	3.757.518.666	286.445.539.981
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	29.262.042.188	148.229.070.707	19.397.198.541	2.898.708.454	199.787.019.890
Số tăng trong năm	1.923.997.260	10.700.978.486	2.509.321.185	248.925.975	15.383.222.906
- Khấu hao TSCĐ	1.923.997.260	10.700.978.486	2.509.321.185	248.925.975	15.383.222.906
Số giảm trong năm	-	(4.988.618.317)	-	(720.573.735)	(5.709.192.052)
- Thanh lý TSCĐ	-	(4.988.618.317)	-	(720.573.735)	(5.709.192.052)
Số dư cuối năm	31.186.039.448	153.941.430.876	21.906.519.726	2.427.060.694	209.461.050.744
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	11.103.432.160	59.916.290.957	9.898.612.428	1.214.383.947	82.132.719.492
Tại ngày cuối năm	9.179.434.900	59.085.305.122	7.389.291.243	1.330.457.972	76.984.489.237

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 66.665.527.367 VND

7 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.090.909.091	1.090.909.091
- Quy hoạch dự án xây dựng nhà máy Thép Thủ Đức	1.090.909.091	1.090.909.091
Mua sắm tài sản cố định	1.517.289.869	1.291.949.495
- Lò nung trung gian phân xưởng cán	1.517.289.869	588.228.176
- Rải thép sàn nguội Phân xưởng cán	-	703.721.319
	2.608.198.960	2.382.858.586

8 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	206.786.590.676	300.516.329.926
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - Chi nhánh I TP.HCM ⁽¹⁾	96.253.467.530	177.065.692.650
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh TP.HCM ⁽²⁾	66.620.091.360	97.326.781.919
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP.HCM ⁽³⁾	43.913.031.786	26.123.855.357
	206.786.590.676	300.516.329.926

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

⁽¹⁾ Hợp đồng tín dụng số 105/2014-HĐTDHM/NHCT 902-Thép Thủ Đức ngày 30/09/2014 với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ; lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 6,5%/năm;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản, áp dụng biện pháp bảo đảm bổ sung là nhận thế chấp hàng tồn kho, quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế của Công ty. Trong đó, giá trị quyền tài sản/hoặc hàng tồn kho phải bằng số dư tín dụng tại mọi thời điểm.

⁽²⁾ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/1650371 ngày 28/08/2014 với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở L/C để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Hàng tồn kho theo hợp đồng thế chấp số 01/2011/HĐTC-1650371 ngày 15/08/2012; tài khoản tiền gửi ngân hàng và công nợ phải thu.

⁽³⁾ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 143/2014/HĐTD/CIB-HCM ngày 07/08/2014 với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.019.724.744	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.420.821.291	1.166.196.976
Thuế Thu nhập cá nhân	242.408.275	687.854.240
Thuế Tài nguyên	1.476.000	1.476.000
Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	120.681.000	-
	<u>6.805.111.310</u>	<u>1.855.527.216</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại...	3.772.558.341	3.453.079.501
Trích trước chi phí lãi vay	246.438.646	275.105.625
Trích trước chi phí kiểm toán	75.000.000	75.000.000
	<u>4.093.996.987</u>	<u>3.803.185.126</u>

11 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	153.601.719	159.193.939
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	998.000.000	998.000.000
Lãi chậm trả Tổng Công ty Thép VN	-	136.565.310
Công ty TNHH Trần Bình An (cược cont)	37.912.765	-
Phải trả, phải nộp khác	466.656.646	275.886.146
	<u>1.656.171.130</u>	<u>1.569.645.395</u>

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	122.253.930.000	17.708.334.281	12.669.736.764	5.061.345.010	11.584.112.641	169.277.458.696	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	7.959.986.264	7.959.986.264	
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	8.260.781	-	(8.260.781)	-	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.563.855.207)	(1.563.855.207)	
Trích Quỹ thưởng Ban lãnh đạo Công ty	-	-	-	-	(231.682.253)	(231.682.253)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(9.780.314.400)	(9.780.314.400)	
Số dư cuối năm trước	122.253.930.000	17.708.334.281	12.677.997.545	5.061.345.010	7.959.986.264	165.661.593.100	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	11.751.806.514	11.751.806.514	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(848.863.526)	(848.863.526)	
Trích Quỹ thưởng Ban lãnh đạo Công ty	-	-	-	-	(106.013.604)	(106.013.604)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.112.696.500)	(6.112.696.500)	
Số dư cuối năm nay	122.253.930.000	17.708.334.281	12.677.997.545	5.061.345.010	12.644.219.148	170.345.825.984	

Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2014 số 198/NQ-VKC ngày 02/04/2014 thông qua tờ trình về việc phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		7.067.573.630
Trích Quỹ Khen thưởng	5,51%	(389.471.240)
Trích Quỹ Phúc lợi	6,5%	(459.392.286)
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	1,5%	(106.013.604)
Chi trả cổ tức		(6.112.696.500)
(tương ứng mỗi cổ phần nhận 500 VND)		

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	79.465.100.000	65%	79.465.100.000	65%
Cộng ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận chuyển	13.322.950.000	11%	13.322.950.000	11%
Cổ đông khác	29.465.880.000	24%	29.465.880.000	24%
	122.253.930.000	100%	122.253.930.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	122.253.930.000	122.253.930.000
- Vốn góp cuối năm	122.253.930.000	122.253.930.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	6.112.696.500	9.780.314.400

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.225.393	12.225.393
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.225.393	12.225.393
- Cổ phiếu phổ thông	12.225.393	12.225.393
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.225.393	12.225.393
- Cổ phiếu phổ thông	12.225.393	12.225.393
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	12.677.997.545	12.677.997.545
Quỹ dự phòng tài chính	5.061.345.010	5.061.345.010
	17.739.342.555	17.739.342.555

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.
- + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

13 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.863.654.384.197	2.076.474.668.368
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.160.748.000	31.500.000
	1.864.815.132.197	2.076.506.168.368

14 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	-	6.479.985.600
Giảm giá hàng bán	4.502.271.039	-
	<u>4.502.271.039</u>	<u>6.479.985.600</u>

15 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm, hàng hóa	1.859.152.113.158	2.069.994.682.768
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.160.748.000	31.500.000
	<u>1.860.312.861.158</u>	<u>2.070.026.182.768</u>

16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	1.782.704.677.654	1.995.004.082.202
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	868.142.951	31.500.000
	<u>1.783.572.820.605</u>	<u>1.995.035.582.202</u>

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	331.302.870	687.460.779
Lãi bán hàng trả chậm	2.576.802.808	1.057.378.903
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	73.263.868	5.335.322
	<u>2.981.369.546</u>	<u>1.750.175.004</u>

18 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	18.840.825.437	24.954.367.167
Chi phí lãi chậm thanh toán	556.556.109	483.436.878
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	719.498.767	441.605.637
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tỷ giá cuối năm	49.515.885	962.740
	<u>20.166.396.198</u>	<u>25.880.372.422</u>

19 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.934.163.151	11.592.142.803
Chi phí khác bằng tiền	1.871.286.151	3.060.971.177
	15.805.449.302	14.653.113.980

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.868.908.001	1.752.263.352
Chi phí nhân công	14.686.422.778	13.674.674.153
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.229.215.865	1.067.974.086
Thuế, phí, lệ phí	1.671.775.420	1.822.297.403
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.589.808.885	1.289.434.868
Chi phí khác bằng tiền	5.179.824.790	5.065.758.805
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.810.794.210	-
	29.036.749.949	24.672.402.667

21 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	839.893.800	120.000.000
Khác	67.978.893	343
	907.872.693	120.000.343

22 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	269.811.491	-
Truy thu thuế	20.559.450	28.569.504
Phạt vi phạm hành chính và phạt chậm nộp thuế	54.500.958	197.958.669
Khác	-	290
	344.871.899	226.528.463

23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.275.815.444	11.428.358.381
Các khoản điều chỉnh tăng	304.831.632	712.300.049
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	75.060.408	238.729.881
- Chi phí khấu hao không tham gia trực tiếp sản xuất kinh doanh	40.771.224	293.570.168
- Thu lao Ban điều hành không chuyên trách	189.000.000	180.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(350.105.625)	
- Trích trước chi phí kiểm toán	(75.000.000)	
- Trích trước chi phí lãi vay	(275.105.625)	
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	15.230.541.451	12.140.658.430
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.350.719.119	3.035.164.608
Nộp truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp theo Quyết định số 4280/QĐ-CT-XP của Cục Thuế TP.HCM	173.289.811	433.207.509
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.524.008.930	3.468.372.117
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.166.196.976	2.779.463.663
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.269.384.615)	(5.081.638.804)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	3.420.821.291	1.166.196.976

24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	11.751.806.514	7.959.986.264
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.751.806.514	7.959.986.264
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.225.393	12.225.393
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	961	651

25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.504.696.373.823	1.352.680.673.445
Chi phí nhân công	71.780.222.880	68.281.592.885
Chi phí khấu hao	15.383.222.906	17.357.602.947
Thuế, phí, lệ phí	1.671.775.420	1.822.297.403
Chi phí dịch vụ mua ngoài	182.547.926.126	177.613.143.685
Chi phí bằng tiền khác	12.076.143.104	13.220.832.871
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.810.794.210	-
	1.789.966.458.469	1.630.976.143.236

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	126.240.120.069	-	34.963.803.837	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	83.063.613.922	(1.810.794.210)	164.689.808.786	-
	209.303.733.991	(1.810.794.210)	199.653.612.623	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	206.786.590.676	300.516.329.926
Phải trả người bán, phải trả khác	15.919.595.489	57.270.015.999
Chi phí phải trả	4.093.996.987	3.803.185.126
	226.800.183.152	361.589.531.051

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	126.240.120.069	-	-	126.240.120.069
Phải thu khách hàng, phải thu khác	81.252.819.712	-	-	81.252.819.712
	207.492.939.781	-	-	207.492.939.781
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.963.803.837	-	-	34.963.803.837
Phải thu khách hàng, phải thu khác	164.689.808.786	-	-	164.689.808.786
	199.653.612.623	-	-	199.653.612.623

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	206.786.590.676	-	-	206.786.590.676
Phải trả người bán, phải trả khác	15.919.595.489	-	-	15.919.595.489
Chi phí phải trả	4.093.996.987	-	-	4.093.996.987
	226.800.183.152	-	-	226.800.183.152
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	300.516.329.926	-	-	300.516.329.926
Phải trả người bán, phải trả khác	57.270.015.999	-	-	57.270.015.999
Chi phí phải trả	3.803.185.126	-	-	3.803.185.126
	361.589.531.051	-	-	361.589.531.051

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh:

	Kinh doanh sắt thép	Kinh doanh hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.345.053.570.878	515.259.290.280	1.860.312.861.158
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	67.571.174.486	9.168.866.067	76.740.040.553
Tổng chi phí mua TSCĐ	10.504.804.142	-	10.504.804.142
Tài sản bộ phận	424.699.821.631	-	424.699.821.631
Tổng tài sản	424.699.821.631	-	424.699.821.631
Nợ phải trả của các bộ phận	254.353.995.647	-	254.353.995.647
Tổng nợ phải trả	254.353.995.647	-	254.353.995.647

Báo cáo theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng			
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (Tổng Cty)	Công ty mẹ	-	303.943.180.556
- Công ty TNHH Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	473.463.039.630	21.694.200
- Công ty KD thép & Dịch vụ VNSteel Long An	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	365.990.800	96.430.113.270
- Chi nhánh Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	23.347.017.270	135.327.636.300
- Chi nhánh Miền Tây	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	303.396.451.700	431.850.500.050
- Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	179.164.425.040	202.485.097.390
- Chi nhánh Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	2.352.271.300	7.082.957.150
- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Cùng Công ty mẹ	7.322.134.240	82.440.000
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	35.091.985.586	38.468.982.000
- Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ	-	41.362.912.070

	Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng			
- Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	Cùng Công ty mẹ	22.680.000	54.600.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ	4.438.114.700	-
- Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ	445.971.507.100	472.718.562.700
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	120.788.947.750	-
Lãi bán hàng trả chậm			
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	405.921.043	605.486.911
- Công ty TNHH Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	1.001.016.695	211.993.902
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	335.745.133	211.993.902
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	832.030.626	211.993.902
Mua nguyên vật liệu, dịch vụ			
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	9.234.913.659	88.915.094.913
- Công ty TNHH Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	693.500.000	801.500.000
- Khách sạn Phương Nam	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	16.154.545	31.131.819
- Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	Cùng Công ty mẹ	296.458.800	26.594.000
- Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	32.706.411.000	3.594.374.000
- Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ	225.268.466.498	286.694.009.243
- Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Nam Ưng	Công ty liên kết của Công ty mẹ	3.999.250.000	3.518.160.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ	6.312.110.000	5.483.458.500
- Công ty Cổ phần Vôi Tân Thành Mỹ	Công ty liên kết của Công ty mẹ	7.183.955.800	7.633.331.400
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ	157.595.200	447.419.000
- Công ty TNHH Nipponvina	Công ty liên kết của Công ty mẹ	97.287.000	350.679.180
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	39.874.534.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ	50.000.000	532.321.057

	Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi chậm thanh toán			
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	346.236.764	948.622.813
- Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ	210.319.345	-
Phí sử dụng thương hiệu chữ "V"			
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	5.960.000	2.883.043.250
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm			
	Mối quan hệ	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu tiền hàng			
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	-	81.357.930.526
- Công ty TNHH Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	13.087.180.909	-
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	583.000.000	12.340.752.600
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	38.466.390.575	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ	1.903.975.590	880.195.800
Trả trước cho người bán			
- Công ty Tư vấn và Thiết kế Luyện kim	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	61.776.000	-
Phải trả người bán			
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ	5.960.000	-
- Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ	1.852.681.600	112.923.164
- Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Nam Ưng	Công ty liên kết của Công ty mẹ	407.319.000	458.832.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ	482.896.700	530.516.800
- Công ty Cổ phần Vôi Tân Thành Mỹ	Công ty liên kết của Công ty mẹ	684.889.700	1.040.410.800
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	23.494.900
Phải thu lãi chậm thanh toán			
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	-	211.993.902

CHỈ NH
ÔNG T
NG KI
AA
NH-T

Phải trả lãi chậm thanh toán

- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP Công ty mẹ - 136.565.310

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT Công ty	2.704.419.000	3.443.540.000

30 . SỞ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh đã được điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Nhà nước về tình hình kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty CP Thép Thủ Đức, cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu sau khi điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra của Kiểm toán NN	Số liệu trước khi điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra của Kiểm toán NN
a) Bảng cân đối kế toán			
Hàng tồn kho	141	240.045.855.213	238.758.114.978
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	1.855.527.216	1.460.199.615
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	7.959.986.264	7.067.573.630
b) Báo cáo kết quả kinh doanh			
Giá vốn hàng bán	11	1.995.035.582.202	1.996.323.322.437
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	11.428.358.381	10.140.618.146
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	3.468.372.117	3.073.044.516
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	7.959.986.264	7.067.573.630

Một số chỉ tiêu trên Lưu chuyển tiền tệ đã được điều chỉnh lại cho phù hợp với kết luận tại Biên bản Kiểm toán Nhà nước như sau:

	Mã số	Số liệu sau khi điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra của Kiểm toán NN	Số liệu trước khi điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra của Kiểm toán NN
Lợi nhuận trước thuế	01	11.428.358.381	10.140.618.146
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(840.189.229)	447.551.006

Người lập biểu

Nguyễn Anh Kha

Nguyễn Anh Kha

Kế toán trưởng

Dương Minh Chính

Dương Minh Chính

TP.HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2015



Hoàng Ngọc Oanh

TP. Hồ chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2015

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thép thủ Đức.
- Căn cứ vào Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2015.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức trình Đại hội đồng Cổ đông mức thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức trong Năm 2015 như sau:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát, công ty: 2,5.000.000 đồng/tháng.
- Thư ký công ty: 3.000.000 đồng/tháng.

Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm Soát được trả vào cuối mỗi quý của năm.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2015

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
V/v GIAO QUYỀN CHỌN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN**

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 02/4/2014, giao quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán. Năm 2014 Hội đồng Quản trị lựa chọn **Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AACS** làm đơn vị kiểm toán độc lập.

Kiểm toán viên đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định về đạo đức nghề nghiệp. Công tác kiểm toán năm 2014 đã được tiến hành đầy đủ theo qui định của pháp luật, được phản ánh cụ thể trong thư quản lý của Công ty kiểm toán, đi kèm báo cáo kiểm toán.

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty, Hội đồng Quản trị đề nghị Đại hội đồng Cổ đông xem xét biểu quyết giao quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2015.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Văn Trúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2015

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015**

Căn cứ vào dự báo tình hình kinh tế xã hội của đất nước và nhu cầu thép xây dựng của thị trường, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2015 như sau:

1. Về sản xuất:

- Sản Xuất phôi thép: 150.000 tấn.
- Sản xuất thép cán: 115.000 tấn.

2. Về kinh doanh:

- Tiêu thụ thép cán: 115.000 tấn.
- Tiêu thụ phôi thép: 30.000 tấn.

3. Về lợi nhuận trước thuế: 12, 82 tỷ đồng.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Phan Văn Trúc

TỜ TRÌNH
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2015

Số TT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	Xuất xứ	Chi phí đầu tư (Tr đồng)	Hiệu quả dự kiến đạt được	Tỷ lệ quay vòng vốn	Thời gian dự kiến thực hiện	Ghi chú
1	HỆ THỐNG QUENCHING	VN	6.000	- Đa dạng hoá sản phẩm, góp phần tăng và ổn định mức tiêu thụ sản phẩm của Công ty - Trung bình mỗi tháng tiêu thụ đạt 2000 tấn (một năm 24 000 tấn/năm) - Với chênh lệch chi phí sản xuất phôi mức thấp nhất 150 000 đ/tấn => Giá trị hiệu quả thu được 3,6 tỷ đồng/năm	20 tháng	Tháng 6/2015	Chi phí đầu tư: - Hệ thống hồ nước, lọc nước và tháp giải nhiệt: 2,5 tỷ đồng - Hệ thống bơm nước: 1 tỷ đồng - Hệ thống thiết bị quenching: 1,5 tỷ đồng - Hệ thống điện và điều khiển : 1 tỷ đồng
2	MÁY PHAY RÁNH VẦN	TQ	1.300	Đáp ứng kịp thời việc gia công phay gán và khắc mác trực cán hiện nay. Hiện nay một máy chỉ đáp ứng được nhu cầu khắc mác cho sản phẩm chữ V. Khi sản xuất thương hiệu mới thép Vkc yêu cầu khắc mác phay gán cho trục cán dự phòng và sản xuất tăng lên. Cần thiết phải đầu tư thêm máy mới	24 tháng	Tháng 6/2015	
3	HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH NẤU LUYỆN	TQ	3.000	Tăng hiệu quả thiết bị, giảm thời gian nấu luyện Giảm tiêu hao điện năng trung bình 50Kwh/tấn =>Giá trị thu được đạt 50 kwk x 1300 đ x 150000 tấn =9,75 tỷ đồng/năm	6 tháng	Tháng 5/2015	

Số TT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	Xuất xứ	Chi phí đầu tư (Tr đồng)	Hiệu quả dự kiến đạt được	Tỷ lệ quay vòng vốn	Thời gian dự kiến thực hiện	Ghi chú
4	MÁY ĐÓNG BÓ THÀNH PHẨM	TQ	1.500	Giảm nhân lực tại vị trí đóng bó 02 công nhân/ca Chi phí lương công nhân 8 triệu/ tháng => một năm làm lợi 576 triệu đồng Tiết kiệm chi phí dây đai (chênh lệch giá mua đai + khoả đai với dây kẽm) Giá đai 19700đ/Kg; khoả đai 1000 đ/cái; giá dây Ø6 12900đ/kg Một tháng dùng trung bình khoảng 6000Kg (dây và kẽm tương đương), nếu dùng đai thêm 22000 khoả đai. - Chi phí chênh lệch là (19700 – 12900) x 6000 + 22000x1000 = 62,800 000 đồng - Một năm làm lợi : 62,8 triệu x 12 tháng = 753,6 triệu đồng TỔNG LÀM LỢI MỘT NĂM: 1329,6 TRIỆU ĐỒNG	14 tháng	Tháng 5/2015	
	TỔNG		11.800				

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2015
 T.M. HOI ĐỒNG QUẢN TRỊ
 CỐ PHẦN THIỆP THỦ ĐỨC
 PHAN VĂN TRÚC

TỜ TRÌNH DỰ KIẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 2015

Căn cứ kế hoạch tài chính năm 2015, HĐQT Công ty Cổ Phần Thép Thủ Đức đề nghị Đại hội đồng Cổ đông xem xét phương án chia lãi như sau:

1. Kế hoạch lợi nhuận

TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

12.820.512.821

TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ ĐƯỢC CHIA:

10.000.000.000

Tổng số vốn điều lệ

122.253.930.000

2. Dự kiến chia lợi nhuận

STT	NỘI DUNG PHÂN PHỐI LN	SỐ TIỀN	TỶ LỆ %/LNPP	TỶ LỆ %/VDL
1	Quỹ dự phòng tài chính	0	0,00%	
2	Quỹ đầu tư phát triển	1.164.764.200	11,65%	
3	Quỹ phúc lợi	650.000.000	6,50%	
4	Quỹ khen thưởng	650.000.000	6,50%	
5	Quỹ thưởng HĐQT, ban KS, thư ký, ban điều hành Công ty	200.000.000	2,00%	
6	Chia lãi cổ phần	7.335.235.800	73,35%	6,00%
	Tổng cộng	10.000.000.000	100%	

Ngày 06 tháng 03 năm 2015

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT



PHAN VĂN TRÚC

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC

TỜ TRÌNH DỰ KIẾN CHIA LỢI NHUẬN 2014

Căn cứ kết quả báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán, HĐQT Công ty Cổ Phần Thép Thủ Đức đề nghị Đại hội đồng Cổ đông xem xét phương án chia lãi như sau:

1. Kết quả đạt được

Tổng lợi nhuận trước thuế

15.257.815.444

Tổng lợi nhuận sau thuế được chia

12.644.219.148

Tổng số vốn điều lệ

122.253.930.000

2. Kết quả chia lợi nhuận

STT	NỘI DUNG PHÂN PHỐI LN	SỐ TIỀN	TỶ LỆ %/LNPP	TỶ LỆ %/VDL
1	Quỹ dự phòng tài chính	0	0,00%	
2	Quỹ đầu tư phát triển	967.271.875	7,65%	
3	Quỹ phúc lợi	821.874.245	6,50%	
4	Quỹ khen thưởng	821.874.245	6,50%	
5	Quỹ thưởng HĐQT, ban KS, thư ký ban điều hành Công ty	252.884.383	2,00%	
6	Chia lãi cổ phần	9.780.314.400	77,35%	8,00%
	Tổng cộng	12.644.219.148	100%	

Ngày 06 tháng 03 năm 2015

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Văn Trúc

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2015

I. Các chỉ tiêu chính về kết quả và hiệu quả hoạt động SXKD

Stt	CHỈ TIÊU	Đvt	Thực hiện Năm trước		Kế hoạch năm 2015	Tỷ lệ KH / TH năm trước(%)
			Kế hoạch	Thực hiện		
1	Sản lượng sản xuất	Tấn				
	- Thép cán	Tấn	120.000	104.781	115.000	109,8
	- Thép thỏi	Tấn	160.000	153.314	150.000	97,8
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn				
	- Thép cán	Tấn	120.000	107.097	115.000	107,4
	- Thép thỏi	Tấn	35.000	44.885	30.000	66,8
3	Doanh thu bán hàng và CCDV	Tr. đ	2.017.500	1.860.312	1.620.000	87,1
4	Doanh thu hoạt động tài chính.	-nt-	1.800	2.981	2.000	67,1
5	Giá vốn	-nt-	1.941.300	1.783.573	1.535.180	86,1
6	Chi phí bán hàng	-nt-	13.000	15.805	15.000	94,9
7	Chi phí quản lý	-nt-	24.000	29.036	39.000	134,3
8	Chi phí tài chính	-nt-	26.000	20.166	20.000	99,2
9	Lợi nhuận khác		0	563		0,0
10	Lợi nhuận trước thuế	-nt-	15.000	15.276	12.820	83,9
11	Thuế TNDN	-nt-	3.750	3.524	2.820	80,0
12	Lợi nhuận sau thuế	-nt-	11.250	11.752	10.000	85,1
13	Lợi nhuận cơ bản/cổ phiếu	Tr. đ	0,000920	0,000961	0,000818	85,1
14	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	6,4	6,9	5,9	85,6
15	Tỷ lệ chia cổ tức/lợi nhuận	%	84,76	77,40	74,00	95,6
16	Vốn lưu động sử dụng bình quân năm trước(dự trữ nguyên vật liệu, hàng hóa, công nợ,phi hàng hóa (tiền, công cụ lao động,...))	Tr. đ	432.500	400.000	390.000	97,5
17	Vòng quay vốn lưu động/năm	Vòng	4,7	4,7	4,2	89,3

II. Nhu cầu vốn lưu động năm kế hoạch 2015 (Triệu đồng)

1	Doanh thu	1.620.000
2	Lợi nhuận sau thuế	10.000
3	Chi phí khấu hao TSCĐ	16.500
4	Tổng nguồn vốn CSH có tại ngày 31/12/2014	170.346
5	Tổng dư nợ vay dài hạn tại ngày 31/12/2014	0
6	Tổng tài sản dài hạn có tại ngày 31/12/2014	79.593

7	Vốn CSH của Công ty còn lại tại ngày 31/12/2014 ((4)+(5)-(6))	90.753
8	Tổng nhu cầu vốn bình quân cần thiết năm kế hoạch	390.000
	Trong đó:	
8.1	Nhu cầu vốn lưu động ngắn hạn bình quân cần cho hoạt động sản xuất kinh doanh	390.000
8.2	Nhu cầu vốn trung dài hạn cần cho hoạt động đầu tư XD CB	
9	Vốn Cty còn thiếu phải bù đắp thêm(=(8)-(7))	299.247
	Trong đó:	
9.1	Vốn ngắn hạn	299.247
9.2	Vốn trung dài hạn	
10	Các phương án bổ sung vốn, trong đó:	
10.1	Vay tổ chức tín dụng	299.247
	Vay ngắn hạn:	299.247
	Vay trung dài hạn:	
10.2	Vốn vay khác, phát hành trái phiếu, các hình thức huy động vốn khác	
11	Hạn mức tín dụng (ngắn hạn, trung dài hạn) đã ký với các tổ chức tín dụng	380.000
	Ngân hàng Công thương VN	200.000
	Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN	130.000
	Ngân hàng VN Thịnh Vượng	50.000

Tp. HCM, ngày 09 tháng 03 năm 2015

Người đại diện chính



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Ngọc Anh